MẠNG LƯỚI CÁC TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ VIỆT NAM
VỀ THỰC THI LÂM LUẬT, QUẢN TRỊ RỪNG VÀ THƯƠNG MẠI LÂM SẢN
(VNGO-FLEGT)

BÁO CÁO

Kết quả tham vấn cộng đồng về tính hợp pháp của gỗ và các sản phẩm gỗ tại huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng.

Người thực hiện: - TS. Phan Triều Giang
- Th.S. Nguyễn Quốc Bình
- Th.S. Nguyễn Xuân Vinh

Tháng 11/2012

NỘI DUNG

DANH SÁCH CÁC BẢNG....2
DANH SÁCH CÁC HÌNH....2
I. ĐẶT VẤN ĐỀ....1
II. MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG THAM VẤN....1
III. PHƯƠNG PHÁP, TIẾN TRÌNH, VÀ ĐỐI TƯỢNG THAM VẤN....3
3.1 Phương pháp và tiến trình....3
3.2. Đối tượng tham vấn....3
IV. KẾT QUẢ....5
4.1 Sơ lược địa bàn khảo sát....5
4.2 Các phát hiện chính....9
4.2.1 Cộng đồng nhận khoán QLBVR (nhóm 1B)....9
4.2.2 Cộng đồng sống gần rừng (nhóm 1C)....14
4.2.3 Hộ, cá nhân được giao, cho thuê đất trồng rừng (nhóm 2A)....16
4.2.4 Hộ gia đình, cá nhân nhận khoán QLBVR (nhóm 2B)....20
4.3 Các nhận xét và bình luận....22
V. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ....23
5.1 Kết luận....23
5.2 Đề nghị....24
5.2.1 Đối với khung pháp lý hiện tại và định nghĩa gỗ hợp pháp....24
5.2.2 Đối với các vấn đề thực tế ở địa phương....24
PHỤ LỤC....26
Phụ lục 1. Danh sách những người được tham vấn- nhóm 1B....26
Phụ lục 2. Danh sách những người được tham vấn- nhóm 1C....27
Phụ lục 3. Danh sách những người được tham vấn- nhóm 2A....27
Phụ lục 4. Danh sách những người được tham vấn- nhóm 2B....28
Phụ lục 5. Trách nhiệm QLBVR ở Cty TNHHMTV Lâm nghiệp Đạ Tẻh....28

DANH SÁCH CÁC BẢNG

Bảng 1. Các nội dung tham vấn 1
Bảng 2. Mô tả các nhóm được tham vấn 4
Bảng 3. Diện tích rừng của công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đạ Tẻh 7
Bảng 4. Đất rừng theo mục đích được cấp cho các công ty, doanh nghiệp 8
Bảng 5. Diện tích rừng đã được các công ty/doanh nghiệp đầu tư 8

DANH SÁCH CÁC HÌNH

Hình 1. Một buổi phỏng vấn nhóm quản lý rừng thôn 8, xã Mỹ Đức 5
Hình 2. Kết quả của một ngày vào rừng khai thác lâm sản phụ 6
Hình 3. Gỗ được cất giấu tại nhà dân trong thôn Đa Nhar, xã Quốc Oai 11
Hình 4. Người dân trở nhà về trên bè lồ ô – kết quả của một ngày lao động 16
Hình 5. Đường đi của gỗ rừng trồng 18
Hình 6. Đường đi của gỗ rừng tự nhiên 22

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hiệp định Đối tác Tự nguyện trong khuôn khổ của Chương trình Thực thi Luật lâm nghiệp, Quản trị rừng và Thương mại gỗ (VPA/FLEGT) là hiệp định thương mại giữa EU và chính phủ của các quốc gia đối tác xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ vào EU nhằm tăng cường thực thi luật pháp để kiểm soát nguồn gốc gỗ. Việt Nam đang tham gia đàm phán với EU về hiệp định này. Ảnh hưởng của việc thực thi hiệp định này sẽ xãy ra không những đối với ngành công nghiệp gỗ và lâm sản ngoài gỗ, mà còn với các cộng đồng địa phương sống phụ thuộc vào rừng. Do đó, để tiến trình đàm phán được toàn diện, việc lắng nghe tiếng nói của các cộng đồng địa phương là cần thiết. Vì vậy, chúng tôi thực hiện việc tham vấn với cộng đồng về các vấn đề liên quan đến việc thực thi hiệp định này ở hai xã Quốc Oai và Mỹ Đức thuộc huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng.

II. MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG THAM VẤN

Các mục tiêu cụ thể của chúng tôi bao gồm: i). Khảo sát sự hiểu biết/nhận thức của người dân/cộng đồng về tính hợp pháp của gỗ và sản phẩm gỗ; ii). Phân tích việc thực thi lâm luật và ảnh hưởng của nó đến quyền lợi và nghĩa vụ của người dân/cộng đồng; và iii) Tổng hợp các nguyện vọng/đề xuất của người dân liên quan đến việc đảm bảo tính hợp pháp của gỗ và sản phẩm gỗ gắn kết với cải thiện sinh kế của họ.

Nội dung tham vấn cộng đồng bao gồm i). Các quy định về khai thác gỗ hợp pháp trong nước; ii). Các quy định về vận chuyển gỗ hợp pháp; iii) An toàn về môi trường của việc khai thác; iv) An toàn về xã hội của việc khai thác. Các nội dung cụ thể được trình bày ở bảng 1.

Bảng 1. Các nội dung tham vấn

Nội dung chính	Nội dung tìm hiểu cụ thể	Ghi chú
Các quy định về khai thác gỗ hợp pháp trong nước	Hồ sơ khai thác gỗ hợp pháp của chủ rừng là Hộ gia đình, Cá nhân và Cộng đồng	• Khai thác chính ở rừng tự nhiên • Khai thác tận dụng, tận thu gỗ ở rừng tự nhiên • Khai thác gỗ ở rừng trồng tập trung bằng vốn do chủ rừng tự đầu tư
	Hồ sơ khai thác gỗ hợp pháp của Hộ gia đình, Cá nhân và Cộng đồng nhận khoán quản lý bảo vệ rừng hoặc tham gia đồng quản lý rừng với các chủ rừng nhà nước	• Khai thác chính ở rừng tự nhiên • Khai thác tận dụng, tận thu gỗ ở rừng tự nhiên • Khai thác gỗ từ rừng trồng tập trung bằng vốn do chủ rừng tự

		đầu tư
	Quy trình khai thác gỗ hợp pháp: hồ sơ xác minh khai thác đúng phạm vi ranh giới, diện tích, chủng loại, khối lượng theo giấy phép được cấp hoặc bản đăng ký khai thác	• Gỗ rừng tự nhiên • Gỗ rừng trồng
Các quy định về vận chuyển gỗ hợp pháp	Hộ gia đình, Cá nhân và Cộng đồng vận chuyển gỗ khai thác trong nước	• Gỗ mua • Gỗ đem bán
An toàn về môi trường	Đảm bảo việc bảo tồn tài nguyên rừng ở những khu rừng được phép khai thác gỗ	
	Những đóng góp trong việc đảm bảo môi trường sống của các cộng đồng dân cư	• Khu vực khai thác gỗ • Tuyến đường vận chuyển gỗ
An toàn về xã hội	Sự tham gia đầy đủ và có hiệu quả của cộng đồng trong quá trình lập kế hoạch khai thác, thiết kế khai thác và khai thác gỗ	• Kế hoạch khai thác gỗ đạt được sự đồng thuận của cộng đồng sống ven khu rừng được phép khai thác • Người dân/Cộng đồng sống ven rừng tham gia thiết kế và giám sát quá trình khai thác ở những khu rừng đó
	Cơ chế chia sẻ lợi ích cho cộng đồng	• Sự hưởng lợi của người dân/cộng đồng sống ven khu rừng được khai thác gỗ • Tính minh bạch trong việc hưởng lợi từ khai thác và vận chuyển gỗ

III. PHƯƠNG PHÁP, TIẾN TRÌNH, VÀ ĐỐI TƯỢNG THAM VẤN

3.1 Phương pháp và tiến trình

Phương pháp thực hiện tham vấn cộng đồng là phương pháp nghiên cứu có sự tham gia trên nền tảng là sự tự hành của người dân với sự thúc đẩy của nhóm nghiên cứu. Công cụ chủ yếu được sử dụng là phỏng vấn bán cấu trúc với nội dung đã được thống nhất với các cá nhân hiểu biết và nhóm đại diện then chốt.

Địa điểm nghiên cứu được xác định dựa trên mục tiêu và các đối tượng của cuộc tham vấn. Hai xã Quốc Oai và Mỹ Đức thuộc huyện Đạ Tẻh (200m a.s.l), được chọn vì đáp ứng được đa số các tiêu chí đề ra. Đó là những cộng đồng sống phụ thuộc vào rừng, gần rừng đại diện cho nhiều nhóm lợi ích khác nhau có thể chịu ảnh hưởng của việc thực thi hiệp định nói trên. Sau khi xác định được địa điểm, nhóm nghiên cứu trao đổi với những người có trách nhiệm ở huyện và xã để thực hiện các thủ tục hành chính và phối kiểm thông tin về các cộng đồng tham vấn.

Ở cấp độ địa phương, những người am hiểu về cộng đồng được mời cùng tham gia. Việc lập kế hoạch chi tiết cùng với những người dân địa phương hiểu biết được thực hiện để bảo đảm cuộc tham vấn đầy đủ và tiết kiệm thời gian. Thông tin được trao đổi để những thông tín viên nắm bắt rõ các yêu cầu về nội dung từ đó các đối tượng cần được tham vấn được xác định theo nhóm và được mời tham vấn theo lịch trình phù hợp. Khi thực hiện tham vấn, lý do và những nội dung của đợt tham vấn được nhắc lại, trước khi người thúc đẩy đưa ra các câu hỏi để những người tham gia thảo luận. Một thành viên trong nhóm thúc đẩy ghi chép lại các nội dung mà nhóm đã thảo luận.

Thông tin thu được từ các nhóm tham vấn được tổng hợp và phân tích. Kết quả thảo luận của một nhóm được so sánh và phối kiểm với các nhóm khác trong cùng nhóm đối tượng để tìm điểm chung cũng như sự khác biệt trong các nhóm thảo luận trong cùng nhóm đối tượng.

3.2. Đối tượng tham vấn

Tham vấn được thực hiện ở hai xã Mỹ Đức và Quốc Oai của huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng. Ở xã Mỹ Đức hai thôn được thực hiện là thôn 5 và thôn 8, bao gồm cả người Kinh và người dân tộc Châu Mạ. Ở xã Quốc Oai tham vấn được thực hiện ở 4 thôn là thôn 1, thôn 2, thôn 5, và thôn Đạ Nhar chủ yếu là người Kinh. Tổng cộng ở hai xã nhóm nghiên cứu đã thực hiện được 14 cuộc thảo luận với 68 người tham gia. Những người này thuộc các thành phần như sau:

1. Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao, cho thuê rừng, đất trồng rừng để sản xuất, kinh doanh lâm nghiệp theo quy định của Luật Bảo vệ và Phát triển rừng (Chủ rừng, nhóm 2A).
2. Hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng được nhận khoán quản lý bảo vệ rừng (nhóm 1B và 2B) .
3. Hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng sống gần rừng, ven rừng và phụ thuộc vào rừng nhưng không thuộc hai đối tượng trên (nhóm 1C).

Cụ thể theo phân loại của hướng dẫn tham vấn, các đối tượng tham vấn thuộc về bốn nhóm 1B, 1C, 2A, và 2B. Như vậy, ở địa bàn tham vấn không có các cộng đồng được nhà nước giao, cho thuê rừng, đất trồng rừng để sản xuất, kinh doanh lâm nghiệp (1A). Thành phần và số lượng các đối tượng phỏng vấn của từng nhóm được trình bày chi tiết ở bảng 2.

Bảng 2. Mô tả các nhóm được tham vấn

Nhóm	Số nhóm	Địa điểm	Số người	Thành phần tham gia	Mô tả nhóm
1B	4	Thôn 5, Đạ Nhar, (Quốc Oai), Thôn 8 (Mỹ Đức)	21	Cán bộ thôn và nhóm trưởng QLBV rừng	Có 3 nhóm gồm cán bộ thôn, nhóm trưởng QLBV rừng, một nhóm chỉ toàn cán bộ thôn. Có 3 nhóm người Châu Mạ, 1 nhóm người Kinh
1C	3	Thôn 5 (Quốc Oai), Thôn 5 (Mỹ Đức)	13	Các hộ trực tiếp tham gia khai thác lâm sản	Có 2 nhóm thuộc thôn 5, Quốc Oai: Chủ yếu khai thác lâm sản phụ và 1 nhóm thuộc thôn 5 xã Mỹ Đức, chủ yếu khai thác gỗ, làm xưởng cưa nhỏ
2A	2	Thôn 1 và thôn 2 (Quốc Oai)	9	Hộ nghèo, thiếu đất được giao đất lâm nghiệp trồng rừng	Các hộ này thuộc dạng hộ nghèo được giao rừng nghèo kiệt để trồng rừng kinh tế
2B	5	Thôn 5, thôn Đạ Nhar, (Quốc Oai, và thôn 8 (Mỹ Đức)	25	Những người tham gia bảo vệ rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, các doanh nghiệp	Ba nhóm bảo vệ rừng phòng hộ (1 nhóm Mỹ Đức, 2 nhóm Đa Nhar) Một nhóm bảo vệ rừng đặc dụng (thôn 5, Quốc Oai). Nhóm doanh nghiệp: Các công ty thuê đất rừng tại địa phương

Ngoài ra, một nhóm gồm những người có liên quan gồm chủ tịch UBND xã, trưởng phòng kỹ thuật của công ty Lâm nghiệp Đạ Tẻh, cán bộ văn phòng của hạt kiểm lâm Đạ Tẻh cũng được mời tham gia thảo luận để phối kiểm và làm rõ thêm các thông tin về việc khai thác và vận chuyển lâm sản tại địa phương.

Hình 1. Một buổi phỏng vấn nhóm quản lý rừng thôn 8, xã Mỹ Đức

IV. KẾT QUẢ

4.1 Sơ lược địa bàn khảo sát

Xã Mỹ Đức và Quốc Oai, huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng là nơi sinh sống của người Châu Mạ bản địa và những người Kinh di cư đến từ nhiều đợt bắt đầu từ những năm đầu 1980. Do điều kiện địa lý vùng sâu, vùng xa, đời sống khó khăn, người dân tại hai xã này có cuộc sống gắn bó với rừng[1]. Bên cạnh những người bản địa Châu Mạ sống với rừng từ nhiều đời nay, những người Kinh di cư phụ thuộc vào rừng cho nhiều nhu cầu của họ. Do điều kiện tự nhiên, những cánh rừng lá rộng thường xanh và lồ ô tre nứa ở địa phương cung cấp các sản phẩm rất đa dạng cho người dân như gỗ, tre nứa, măng, ươi, song mây, các loại rau, quả, thuốc, mật ong, và nhiều loại thú rừng nhỏ.

Về mặt quản lý nhà nước, việc quản lý rừng ở hai xã có nhiều biến động. Cho đến những năm đầu 2000, khu vực rừng ở địa bàn do Lâm Trường Đạ Tẻh quản lý. Vào khoảng 1989-1993, người dân được Lâm Trường giao khoán bảo vệ rừng theo nguồn vốn từ ngân sách hỗ trợ của tỉnh Lâm Đồng theo chương trình thành lập làng lâm nghiệp. Sau đó giai đoạn từ năm 1993 - 2008, các cộng đồng này cùng với người dân ở nơi khác được giao nhận khoán rừng theo chương trình 327 và sau đó là chương trình 661. Bên cạnh đó vào khoảng 2003, khi dự án bảo tồn đa dạng sinh học (WINROCK) hỗ trợ kinh phí cho UBND huyện Đạ Tẻh tiến hành việc khoán bảo vệ rừng, một số người dân ở xã Quốc Oai cũng được tham gia.

[1] Tổng diện tích rừng của hai xã này vào khoảng 14,000 ha.

Hình 2. Kết quả của một ngày vào rừng khai thác lâm sản phụ

Từ 2008, Lâm Trường Đạ Tẻh được chuyển thành Công ty Lâm nghiệp Đạ Tẻh. Công ty giao đất cho người dân để trồng rừng trung bình 2ha/hộ theo Nghị định 135, Quyết định 178/QĐ-TTg của Thủ Tướng chính phủ. Đến năm 2010, công ty lâm nghiệp Đạ Tẻh được chuyển thành Cty TNHH Một thành viên Lâm nghiệp Đạ Tẻh theo quyết định số 1402/QĐUB ngày 30/6/2010 của UBND tỉnh Lâm Đồng. Kèm theo đó, hơn 7300 ha gồm gần 7100 ha đất có rừng tự nhiên đã được UBND tỉnh thu hồi. Diện tích trước và sau thu hồi các loại đất của Công ty Lâm nghiệp Đạ Tẻh được trình bày ở Bảng 3.

Bảng 3. Diện tích rừng của công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đạ Tẻh

Hạng mục	Trước thu hồi D.tích (ha)	Sau thu hồi D.tích (ha)
Tổng diện tích	*33331*	*26003*
I- Phân loại theo trạng thái	33331	26003
A- Đất có rừng	33153	25917
+ Rừng tự nhiên	32154	25062
- Rừng giàu (IIIA3)	2317	578
- Rừng trung bình (IIIA2)	2856	2825
- Rừng nghèo (IIIA1)	648	2443
- Rừng phục hồi (IIb)	387	651
- Rừng hỗ giao (Tre +Gỗ)	23373	15288
- Rừng tre nứa	2573	
- Đất khác		3277
+ Rừng trồng	999	855
B- Đất chưa có rừng	178	86
II- Phân loại theo chức năng	33331	26003
- Rừng phòng hộ	8640	4953
- Rừng sản xuất	24691	21050

Cũng vào 2010, nhiều hộ nhận khoán quản lý bảo vệ được trả thêm tiền tiền thuộc chương trình Chi trả dịch vụ môi trường (PES) thí điểm tại tỉnh Lâm Đồng.

Trong những năm gần đây[2], nhiều khu vực rừng được đánh giá là "nghèo kiệt" được Tỉnh Lâm Đồng chuyển giao cho các công ty khai thác rừng để trồng rừng kinh tế. Trong địa bàn huyện Đạ Tẻh, có tổng cộng 22 công ty và doanh nghiệp được cho thuê đất lâm nghiệp với diện tích 8.255,68 ha, trong đó diện tích có rừng là 8.069,08 ha và diện tích không có rừng là

[2] Theo Nghị quyết 07-NQ/HU về trồng rừng kinh tế giai đoạn 2007-2010, tổng diện tích hơn 8000 ha rừng tự nhiên nghèo kiệt được UBND huyện Đạ Tẻh quy hoạch giao cho doanh nghiệp, hộ dân để cải tạo trồng rừng kinh tế với các loại cây trồng chính là điều, cao su, keo tai tượng.

186.6 ha. Diện tích rừng cho thuê này được sở NNPTNN tỉnh Lâm Đồng cấp phép theo mục đích như trình bày ở bảng 4.

Bảng 4. Đất rừng theo mục đích được cấp cho các công ty, doanh nghiệp

Nội dung	Diện tích (ha)
Được phép cải tạo và chuyển đổi	4.464,13
Khai thác tận dụng	3.891.81
- Cây cao su	3.038,43
- Rừng kinh tế	783,53
- Khác	69,85

Các công ty/doanh nghiệp trên địa bàn huyện đã thực hiện các công việc trong diện tích rừng được nhận như tổng hợp ở Bảng 5.

Bảng 5. Diện tích rừng đã được các công ty/doanh nghiệp đầu tư

Diện tích rừng	Diện tích	Ghi chú
Đã trồng cao su	1267,38	
Rừng trồng kinh tế	544,97	
Đã xử lý thực bì	502,39	
Chưa xử lý thực bì	1.577,07	
Quản lý bảo vệ	3.791,55	Không được tác động

Dù diện tích trồng cao su và trồng rừng của các công ty trong địa bàn huyện Đạ Tẻh là nhiều nhưng những công ty có thuê đất tại khu vực xã Quốc Oai và xã Mỹ Đức được người dân cho là chưa làm gì nhiều trên đất được thuê.

Một số công ty, doanh nghiệp trên địa bàn là (dưới đây gọi chung là "các công ty", để phân biệt với công ty TNHH1TV Lâm nghiệp Đạ Tẻh):

1. Công ty Đình Thuận (đã có trồng cao su)
2. Công ty Kim Mạnh Đạt (đã có trồng cao su)
3. Công ty Toàn Xá
4. Công ty của ông Tư Liệu
5. Công ty Hoàng Minh Hồng

6. Công ty của Hương Vĩnh Phát
7. Doanh nghiệp Hồng Nhung
8. Công ty Minh Tín
9. Công ty Minh Huy
10. Công ty Minh Nhật,
11. Công ty Hoàng Thịnh,
12. Công ty cao su Đạ Tẻh
13. Công ty Tre Xanh

Tóm lại, có hai góc nhìn về việc sử dụng rừng ở địa phương đó là cách tiếp cận rừng theo truyền thống – xem rừng là tài sản chung của cộng đồng, là tài nguyên của tổ tiên truyền từ đời này sang đời khác; mọi người bản địa đều có quyền tiếp cận theo truyền thống. Đây là hiện trạng sử dụng rừng trên thực tế của người dân (*de facto*). Cách tiếp cận thứ hai, là theo luật pháp (*de jure*). Hiện nay, rừng là tài sản của toàn dân do nhà nước quản lý. Ở địa phương, rừng được nhà nước giao cho các chủ rừng bao gồm các công ty nhà nước và tư nhân. Các chủ rừng có toàn quyền, có thể giao, hoặc thuê, khoán người dân trồng hay bảo vệ rừng, khai thác rừng theo như luật định. Ngược lại đa số người dân không được giao rừng (với giấy CNQSD) sẽ không có vai trò gì, không có quyền tiếp cận được công nhận vào tài nguyên rừng. Hiện nay, các hình thái và quan hệ pháp lý của cộng đồng với các bên ở địa phương bao gồm quan hệ giữa các hộ hoặc nhóm hộ nhận khoán QLBVR với chủ rừng nhà nước (Công ty TNHH1TV Lâm nghiệp Đạ Tẻh); quan hệ giữa các hộ hoặc nhóm hộ nhận khoán QLBVR với chủ rừng tư nhân (các công ty, tổ chức tư nhân); giữa các hộ được giao đất trồng rừng và Công ty TNHH1TV Lâm nghiệp Đạ Tẻh (Cty đóng vai trò hỗ trợ, giám sát); và những hộ sống phụ thuộc vào rừng theo cách truyền thống.

Từ khi rừng được giao cho các công ty vào khai thác gỗ để lấy đất trồng rừng kinh tế, xung đột giữa hai cách tiếp cận nảy sinh. Nhiều mâu thuẫn về quản lý sử dụng rừng xuất hiện như việc các công ty rào đường không cho người dân đi lại, san ủi mồ mả của ông bà, làm ô nhiễm nguồn nước do tác động của việc làm đường khai thác và đi lại của xe ô tô vận chuyển gỗ. Bên cạnh đó, các công ty đã cấp hoặc hạn chế người dân vào rừng thu hái lâm sản phụ trong phần diện tích đất mà các công ty được giao, việc thu hái lâm sản phụ là tự do từ khi rừng chưa được giao cho các công ty này. Những mâu thuẫn giữa các công ty với người dân ở hai xã này vẫn chưa được giải quyết, ngoại trừ việc rào đường của công ty cao su Đa Tẻh.

4.2 Các phát hiện chính

4.2.1 Cộng đồng nhận khoán QLBVR (nhóm 1B)

4.2.1.1 Các quy định về khai thác gỗ hợp pháp

Đối với rừng do Lâm trường Đạ Tẻh giao cho cộng đồng quản lý (rừng tự nhiên), thì việc khai thác có kế hoạch khá rõ đặc biệt là trước 2010. Khi đó rừng do một chủ quản lý, nên khi rừng được khai thác thì những hộ dân tham gia nhận khoán quản lý và bảo vệ rừng đều được Lâm trường báo cho biết tiến trình khai thác, kế hoạch trồng mới. Thêm vào đó, hệ thống

giao thông ít đường đi lại, phương tiện ít nên dễ quản lý. Và như vậy, kết quả là rừng được quản lý khá tốt.

Đối với rừng được khoán quản lý bảo vệ, các cộng đồng sống gần rừng được cho phép khai thác gỗ (tự nhiên) với số lượng hạn chế để làm nhà và các đồ gia dụng nhưng phải tuân thủ các quy định trong quản lý tài nguyên rừng với xác nhận bằng giấy phép của nhà nước. Trên thực tế, người dân không phải làm hồ sơ gì cả mà chỉ vào rừng chọn cây cần khai thác, sau đó báo ("xin phép") với kiểm lâm địa bàn và cán bộ phụ trách tiểu khu của Công ty Lâm nghiệp Đạ Tẻh (chủ rừng giao khoán) rồi vào rừng khai thác. Người dân cho rằng làm đúng theo quy trình (hộp 1) thì rắc rối và mất nhiều thời gian. Mặt khác, người dân cho rằng, nhu cầu gỗ làm nhà là ít so với lượng gỗ mà lâm tặc khai thác nên không cần phải xin thủ tục. Vì vậy, cho dù người dân biết quy trình và thủ tục để xin gỗ làm nhà nhưng từ trước đến nay chỉ có một hộ thực hiện theo các quy định còn các hộ khác thì không tuân thủ quy định về các thủ tục này mà vẫn được các bên (làm ngơ) chấp thuận. Ngoài gỗ làm nhà và làm đồ gia dụng, người dân còn được phép khai thác lâm sản phụ (trừ một số loài động vật quý) trong phần đất chung (phần đất được nhận khoán) và cả những khu vực rừng mà họ không nhận khoán.

Hộp 1. Hồ sơ và thủ tục của người dân xin gỗ để làm nhà và làm đồ gia dụng

1. *Xác định loài gỗ cần khai thác. Người dân vào rừng để xác định loài cây cần khai thác và vị trí cần khai thác*
2. *Làm đơn xin gỗ làm nhà hoặc làm đồ gia dụng. Trong đơn có ghi rõ loài cây, vị trí và khối lượng cần khai thác. Trong đơn phải có xác nhận của của trưởng thôn về nhu cầu thực tiễn của gia đình,*
3. *Gởi đơn đến UBND xã để xác nhận nhu cầu và sau đó đơn được và gởi lên Huyện để xin phép được khai thác.*
4. *Huyện chuyển qua hạt kiểm lâm và Cty Lâm nghiệp Đạ Tẻh để tham mưu xem nội dung đơn có được phép khai thác hay không và gởi lại cho. Từ kết quả tham mưu của hai đơn vị chuyên môn này, UBND huyện ra quyết định cho phép khai thác (phỏng vấn cán bộ Chi Cục Lâm nghiệp tỉnh Lâm Đồng, cho thấy quyết định này phải do UBND Tỉnh quyết và chỉ trên gỗ tận thu).*
5. *Người dân chỉ được phép khai thác khi có quyết định này. Gỗ được người dân khai thác xong đem về nhà phải được sử dụng đúng mục đích. Khi gỗ đem về nhà thì được kiểm lâm kiểm tra loại gỗ, khối lượng có đúng như trong giấy cho phép không, nếu đúng thì gỗ làm nhà xem như là hợp pháp, nếu sai thì tịch thu bớt hoặc tịch thu hết tuỳ theo sai phạm.*

Hiện nay, do nhiều diện tích rừng giao khoán đã được chuyển giao cho các công ty vào khai thác gỗ để lấy đất trồng rừng kinh tế, chủ yếu là cao su, thì rừng không còn được giữ tốt như trước nữa. Theo người dân, rừng được giao cho nhiều đơn vị chủ rừng (là các công ty) khác nhau nên bị khai thác đồng loạt. Các công ty khi khai thác gỗ và trồng rừng không phải thông qua dân nên dân không biết. Trên thực tế người dân không hề tham gia vào quá trình giao đất

cho các công ty cũng như kế hoạch các công ty khai thác hay trồng mới lại rừng cao su. Do đó các cộng đồng nhận khoán quản lý bảo vệ rừng không biết rõ về hồ sơ khai thác gỗ có hợp pháp hay không. Nói cách khác, người dân không còn quyền tham gia trên những khu vực rừng (đã được thu hồi giao cho các công ty) trước đây nên họ không giám sát được việc khai thác gỗ có hợp pháp hay không. Kết quả các cộng đồng địa phương không hề biết những diễn biến của rừng trong khu vực mà họ đang sinh sống ra sao mặc dù người dân biết rõ rằng các công ty này khai thác gỗ trong diện tích được giao và lấn cả sang diện tích mà các cộng đồng đang nhận khoán.

Hình 3. Gỗ được cất giấu tại nhà dân trong thôn Đa Nhar, xã Quốc Oai

Thêm vào đó từ khi diện tích rừng trong khu vực các cộng đồng này sinh sống được nhà nước giao lại cho các công ty khai thác để lấy đất trồng rừng kinh tế thì các cộng đồng này không được phép khai thác gỗ làm nhà và làm đồ gia dụng trên các khu vực đó nữa. Theo trả lời của đại diện các công ty về lý do mà người dân không được khai thác là vì rừng đã được các công ty này "mua lại" của nhà nước nên họ có quyền không cho người dân khai thác gỗ (trừ gỗ tạp nhỏ và gỗ củi) và trong quy định cũng không có yêu cầu này. Tuy nhiên, theo quy định thì người dân vẫn được phép khai thác lâm sản phụ trong phần diện tích rừng đã giao cho các công ty nhưng vì các công ty sợ người dân vào khu vực rừng đã được giao khai thác gỗ và làm mất "trật tự" nên ảnh hưởng đến sự quản lý rừng và các hoạt động của công ty.

Tuy nhiên, có một số công ty cho phép các cộng đồng vẫn được phép khai thác lâm sản phụ trên phần đất đã giao cho các công ty nhưng phải thông qua sự cho phép và kiểm soát của công ty. Do phải chịu sự kiểm soát của các công ty nên người dân không thích khai thác lâm sản phụ trong phần đất của các công ty. Và trên thực tế xã xảy ra mâu thuẫn giữa các công ty – những người sử dụng rừng theo giấy phép của nhà nước (*de jure*), với người dân địa phương – những người sử dụng rừng theo truyền thống (*de facto*) .

Hộp 2. Mâu thuẫn của cộng đồng thôn 8, xã Mỹ Đức với công ty cao su Đạ Tẻh

Trước đây công ty cao su Đạ Tẻh có ngăn đường không cho người dân đi lại trên phần đất trước đây của họ nên người dân không đồng ý. Từ đó tạo nên mâu thuẫn giữa công ty với người dân. Người dân tại địa phương đã kiện lên huyện. Sau đó, UBND xã, UBND huyện và các bên liên quan phải phải họp và xem xét đơn kiện thì quyết định đường sá có từ trước và có trong bản đồ thì công ty cao su Đạ Tẻh không được phép rào đường và để đường cho người dân đi lại, dù phần đất này trên giấy tờ đã được cấp cho công ty Cao su Đạ Tẻh.

4.2.1.2 Các quy định về vận chuyển gỗ hợp pháp

Hiện nay, phần lớn gỗ phiến ở địa phương được người dân khai thác từ rừng tự nhiên (được giao khoán hoặc không) là không hợp pháp, không xin phép (vì có xin cũng không được) nên không tuân thủ các thủ tục gì. Trước đây người dân khai thác gỗ từ rừng tự nhiên thường lấy những loại gỗ quý như Xoan đào, Giổi, Săng Mã, Chua Khế theo bi có kích thước khoảng 30x50x220cm. Với quy cách gỗ có kích thước lớn như vậy, việc vận chuyển gỗ của người dân sau khai thác ra ngoài rừng bằng trâu, bò khi thuận tiện. Hiện tại người dân chỉ lấy được các loại gỗ như Xương Gà, Dái Ngựa, Cồng, Trâm, Giẻ với kích thước nhỏ từ 15x20x50 cm nên việc vận chuyển ra ngoài rừng thường bằng xe gắn máy. Gỗ được chở xuống đến nhà, sau đó dùng xe lôi chở đến các điểm tập kết để bán gỗ cho người khác hoặc các xưởng mộc tại địa phương. Đối với việc khai thác gỗ về làm nhà hoặc đồ gia dụng, người dân cũng chỉ báo miệng cho cán bộ địa phương. Như vậy, việc vận chuyển các loại gỗ khai thác được ra khỏi rừng của người dân đa phần không có giấy tờ gì và dĩ nhiên là không hợp pháp.

Các lâm sản phụ được người dân tại thôn khai thác về và bán lại cho các hàng quán trong thôn. Sau đó, những người hàng quán này bán lại cho các người mua (đầu nậu) bên ngoài địa phương. Việc mua bán và vận chuyển các lâm sản phụ này là hợp pháp và không cần kín đáo hay giấy tờ gì, ngoại trừ các loài động vật bị cấm săn bắt và mua bán.

4.2.1.3 An toàn về môi trường

Theo người dân, cộng đồng khai thác không ảnh hưởng tới rừng vì ở quy mô cá thể, nhỏ, lẻ. Khi khai thác vận chuyển người dân cũng dùng các phương tiện thô sơ, đi bộ, dùng xà gạc, trâu kéo, hoặc thả gỗ dọc sông suối mà không làm đường sá, đào xới đất, nên ít ảnh hưởng đến môi trường. Ảnh hưởng nhiều nhất là ở khai thác ươi; bà con thường chặt cả cây chỉ để

lấy quả. Mặc dù, kiến thức về các loài cây, con quý hiếm bà con có biết nhưng ý thức bảo tồn còn thấp.

Các cộng đồng tham gia nhận khoán quản lý và bảo vệ rừng cho rằng ảnh hưởng lớn đến vấn đề môi trường là từ việc khai thác rừng ở quy mô lớn hiện nay. Rừng được giao cho các công ty thì bị công ty ủi đường cho xe lớn chạy và khai thác rừng. Điều này ảnh hưởng nhiều đến môi trường như mất rừng, lấp suối, gây ô nhiễm, làm đục nước vào mùa nắng cả mùa mưa, xua đuổi chim thú. Thêm vào đó, các công ty bón phân, xịt thuốc trừ sâu và bỏ các chai lọ đựng thuốc trên thượng nguồn nên ảnh hưởng đến hệ thống nước sạch và suối Đạ Nhar. Hậu quả của việc này là làm cho suối Đạ Nhar, nơi người dân thường tắm giặt, không còn được sử dụng được nữa; hệ thống nước sạch cũng bị cạn kiệt vào mùa khô. Theo nhận định của người dân, sau khoảng bốn năm nữa nước suối sẽ cạn. Người dân sẽ phải tìm suối để lấy nước cho sinh hoạt .

4.2.1.4 An toàn về xã hội

Vai trò của người dân đối với rừng đã yếu, ngày càng yếu hơn. Tiếng nói của người dân trong việc lập kế hoạch, thiết kế, khai thác hay trồng mới, giao đất cho công ty đều không có. Người dân không có quyền nên không thể giám sát hay hành động gì ngoài việc bảo vệ thụ động những khu vực được giao. Ngày trước Lâm trường còn thông báo kế hoạch khai thác của họ; ngày nay, người dân bị các công ty loại gần như hoàn toàn khỏi quyền tiếp cận nguồn tài nguyên truyền thống của mình.

Các cộng đồng có nhận khoán rừng và đất rừng có sinh kế phụ thuộc nhiều vào tài nguyên rừng. Trong cộng đồng, trung bình có khoảng 70% số hộ phụ thuộc các lâm sản phụ, 10% phụ thuộc vào việc khai thác gỗ trái phép, 3% làm thuê cho các công ty được giao rừng, 17% làm thuê và cách ngành nghề khác. Các hộ làm thuê cho công ty chỉ mang tính thời vụ, không thường xuyên. Do vậy, sinh kế của người sẽ ảnh hưởng mạnh mẽ khi rừng bị khai thác hết.

Bên cạnh đó, người dân cũng cho rằng rừng được giao cho các công ty khai thác sẽ có ảnh hưởng bất lợi đến đời sống của họ như:

i. Công ty khai thác hết rừng cũng đồng nghĩa với việc lồ ô, rau nhíp cùng nhiều loại lâm sản khác không còn để người dân thu hái.

ii. Công ty làm đường, ủi đất trồng cao su phá hết mồ mả nên ảnh hưởng đến đời sống tinh thần của người dân địa phương. Trước đây còn rừng thiêng, người dân thường cúng vào tháng 5 nên không bị bệnh, người dân trong làng sống được đến 100 tuổi. Từ lúc công ty phá rừng thiêng thì trong thôn có nhiều người bệnh, chết sớm.

iii. Công nhân của các công ty đến địa phương quậy phá, ảnh hưởng đến sinh hoạt hằng ngày của dân.

iv. Người dân không nhận được chia sẻ lợi ích nào từ việc khai thác rừng, trồng rừng kinh tế của các công ty. Các công ty đã nhận rừng và đất rừng trả tiền nhận khoán thay cho công ty Lâm nghiệp Đạ Tẻh. Các công ty nhận rừng và đất rừng thuộc đất của người dân đang canh tác thì đền bù cho người dân số tiền khai hoang là

5000 đồng/ha. Số tiền quá nhỏ này không bù đắp được cho lợi ích mang lại từ đất rẫy truyền thống của họ.

v. Thêm vào đó người dân không làm được cho các công ty vì không chịu được sự gò bó về giờ giấc nên đời sống của họ càng thêm khó khăn. Người dân so sánh việc đi làm "rừng" thì cũng đủ tiền như công ty nhưng thoải mái về thời gian và giờ giấc. Người dân chỉ làm cho công ty khi rừng hết.

4.2.2 Cộng đồng sống gần rừng (nhóm 1C)

4.2.2.1 Các quy định về khai thác, vận chuyển gỗ hợp pháp

Người dân sống ven rừng phụ thuộc lớn vào rừng. Họ thường vào rừng từ tháng 3,4 và tháng 9, 10 hàng năm. Người dân thường thu hái những sản phẩm phụ như măng, lá nhíp, đọt mây, lồ ô. Những lâm sản phụ này lấy về được bán cho những người thu mua tại địa phương và các công ty chế biến tre nứa tại địa phương (công ty Hồng Nhung). Người dân cũng có khai thác gỗ nhưng không nhiều. Thật sự người dân chưa tận dụng việc khai thác các gốc cây, cây mục trong rừng. Hiện tại còn khoảng 200 gốc cây sao đường kính từ 1,5m trở lên trong rừng ở khu vực người dân sinh sống nhưng chưa được khai thác.

Do việc xin giấy tờ thủ tục khó khăn, khi có nhu cầu về gỗ làm nhà hay đồ dùng gia đình thì người địa phương thường khai thác gỗ không phép trên lâm phần của các công ty được giao rừng và đất rừng hoặc cây rừng trên diện tích đất của Lâm trường Đạ Tẻh sau đó chủ yếu kéo về bằng xe trâu vì gỗ làm nhà thường dài nên không thể chở bằng xe máy được.

Đa số người dân không tự vào rừng lấy gỗ mà mua lại gỗ khai thác không phép của người khác. Khi có nhu cầu, họ đặt những người khai thác loại gỗ, khối lượng, và quy cách. Sau đó, những người khai thác gỗ sẽ chở đến nhà. Giá của gỗ mua thuộc loại này thường thấp hơn 30% so với giá gỗ ở địa phương và chỉ bằng 50% giá gỗ cùng chủng loại và kích thước nếu mua trong các xưởng gỗ của các công ty. Khi khai thác hay mua bán gỗ theo dạng này, người dân hiện nay không sử dụng giấy tờ gì (nghĩa là bất hợp pháp khi bị bắt), nhưng người dân cũng không muốn bị ràng buộc bởi giấy tờ gì cả vì như vậy nhanh chóng và tiết kiệm hơn.

Khi có nhu cầu lớn, gấp, nhiều người dân cũng mua gỗ của các công ty/xưởng gỗ (xưởng I) tại địa bàn. Việc mua này là hợp pháp vì công ty sẵn sàng xuất hoá đơn nếu người dân mua với số nhiều (từ 1 khối trở lên). Nếu người dân mua ít thì các xưởng mộc cũng bán nhưng ít khi xuất hoá đơn. Gỗ của công ty chở từ rừng ra là hợp pháp dù rằng người dân biết rõ là cứ tính trung bình bốn xe chở gỗ từ rừng ra thì có một xe gỗ không có búa của kiểm lâm (tức là không hợp pháp) nhưng không bị các lực lượng chức năng bắt. Trong khi đó, người dân chở gỗ mà họ tận thu sau khi các công ty đã khai thác xong cũng bị bắt.

Hộp 3. Sự bất bình đẳng trong tính hợp pháp của gỗ

Các công ty được giao rừng để khai thác và trồng cao su bị phát hiện vi phạm cắt trộm khi khai thác ra ngoài khu vực được giao đến gần cả 1000m nhưng không có ai kiểm tra và xử lý các vi phạm; còn người dân đi tận thu những cành nhánh từ các công ty khai thác thì bị kiểm lâm, công an xã bắt.

Người dân Thôn 5, Quốc Oai

4.2.2.2 An toàn về môi trường

Trong khi cách khai thác truyền thống thô sơ ít ảnh hưởng đến rừng, việc khai thác hiện nay của các công ty sẽ có ảnh hưởng lớn đến rừng và đời sống những người dân sống ven và phụ thuộc vào rừng.

Việc phá rừng sẽ ảnh hưởng đến tần suất và cường độ lũ lụt và hạn hán như đã thấy những năm qua. Việc thay đổi các cánh rừng tự nhiên đa dạng chủng loại bằng các cánh rừng trồng thuần (chủ yếu là cao su) hủy hoại nghiêm trọng tính đa dạng của rừng làm suy giảm các nguồn tài nguyên rừng. Người dân nói rằng cách đây ba năm các sản phẩm phụ còn nhiều như mật ong, chim thú nhưng hiện tại người dân ở đây muốn mua được mật ong rừng cũng không có.

Người dân không thích các công ty về địa phương vì các công ty phá đường, phá rừng nên ảnh hưởng đến thu nhập từ lâm sản của người và đi lại khó khăn, xe ô tô chạy gây tiếng ồn. Mặc dù vậy, các công ty không có biện pháp gì để làm giảm thiểu ảnh hưởng do hoạt động của mình.

4.2.2.3 An toàn về xã hội

Theo người dân hiện tại các nguồn thu từng rừng giảm còn 50% so với trước đây. Nếu tính từ năm 2008 trở về trước (lúc rừng chưa được giao cho các công ty) thì đến nay (2012) thì những loại thú rừng và lâm sản phụ giảm đi cũng chỉ còn khoản 50%. Do vậy, những người dân sống phụ thuộc vào rừng phải cần nhiều lao động hơn cho việc đi thu hái lâm sản phụ và phải ở lại đêm trong rừng thì mới có thể thu hái được.

Hình 4. Người dân trở nhà về trên bè lồ ô – kết quả của một ngày lao động

Kém hơn cả nhóm 1B là nhóm có quan hệ hợp đồng giao khoán QLBVR, hiện nay người dân thuộc nhóm 1C hoàn toàn không có tiếng nói trong việc quản lý sử dụng rừng; tất nhiên họ không được tham gia trong các quá trình lập kế hoạch, thiết kế khai thác, cũng như hưởng lợi từ các công ty, hay chương trình dự án của nhà nước mặc dù nhóm này phụ thuộc lớn vào rừng. Bức xúc của người dân trong việc tiếp cận vào tài nguyên rừng ngày càng tăng. Đây là nhóm bị thua thiệt nhất khi FLEGT thực thi.

4.2.3 Hộ, cá nhân được giao, cho thuê đất trồng rừng (nhóm 2A)

4.2.3.1 Các quy định về khai thác gỗ hợp pháp từ rừng trồng

Những người dân thuộc diện khó khăn ở địa phương được giao đất trồng từng từ năm 2008. Môt số hộ có lao động thì phát hoang và trồng rừng trong cùng năm, những hộ có ít lao động hoặc vì lý do riêng thì phát hoang và trồng rừng vào năm 2009 hoặc 2010. Diện tích được giao trung bình là 2 ha/hộ. Chi phí người dân được Lâm trường Đạ Tẻh cấp cho việc trồng rừng bao gồm tiền cây giống, tiền phân thuốc, công trồng tổng cộng là 5 triệu đồng/ha. Người dân phải tuân thủ hợp đồng với Công ty. Quan trọng nhất là sau khi khai thác phải trả lại cho bên A (Công ty TNHH1TV Lâm nghiệp Đạ Tẻh) 5% sản phẩm thu được, tức là 5% khối lượng gỗ khai thác được từ gỗ rừng trồng của mình. Hiện nay người dân chưa khai thác gỗ từ rừng trồng của mình.

Việc giao đất cho người dân nghèo, khó khăn trồng rừng theo hợp đồng được đánh giá khá tốt. Theo những hộ được chia đất trồng rừng, trình tự và thủ tục của việc giao đất trồng rừng như sau:

i. Tổng diện tích đất được chia cho người dân trồng rừng là 67 ha, chia cho 33 hộ khó khăn trong xã. UBND xã chia diện tích đất theo tỉ lệ số hộ dân trong các thôn cho công bằng.

ii. Thôn tổ chức họp thôn để xét hộ nghèo và thiếu đất, trong số 70 hộ nghèo của thôn, rút thăm để chọn ra 6 hộ được nhận đất để trồng rừng (toàn xã Quốc Oai có 33 hộ được nhận đất trồng rừng).

iii. Trưởng thôn lập danh sách và gởi lên UBND xã để xác nhận và gởi lên UBND huyện công nhận. UBND xã, Lâm trường và Hạt kiểm lâm tiến hành họp các hộ gia đình nhận đất để bóc thăm vị trí diện tích đất được nhận để trồng rừng

iv. Hộ gia đình được nhận cùng các bộ của Lâm trường (nay là công ty Lâm nghiệp Đạ Tẻh) cùng kiểm tra diện tích và bàn giao ngoài hiện trường.

v. Người được nhận đất phát hoang và trồng rừng

vi. Cán bộ của lâm trường kết hợp với Ban lâm nghiệp xã nghiệm thu thực địa và cấp tiền.

vii. Dân chăm sóc, trung bình mỗi năm phát quang 1 lần.

viii. Khai thác và trả lại cho lâm trường 5% số lượng sản phẩm thu được. (Tuy nhiên các diện tích đất trồng rừng này đang đợi khai thác vì không có được hoặc chưa đủ lớn để khai thác).

Ở địa phương, những người được giao đất để trồng rừng thực hiện các thủ tục sau nếu đất của họ để trồng rừng sản xuất:

i. Người dân đề xuất với lâm trường về yêu cầu khai thác gỗ

ii. Lâm trường (Cty TNHH1TV Lâm nghiệp Đạ Tẻh hiện nay) họp dân để triển khai việc chuyển đổi rừng nghèo kiệt và xác định vị trí được chuyển đổi cho những người có diện tích cần chuyển đổi từ rừng nghèo kiệt sang rừng sản xuất.

iii. Sau đó, lâm trường ra quyết định cho phép chuyển đổi rừng nghèo kiệt sang rừng sản xuất.

iv. Phía lâm trường hỗ trợ cho người dân tiền phát hoang là 5 triệu đồng/ha và 100% cây giống

Những hộ nhận đất trồng rừng được quyền cho thuê lại quyền sử dụng đất cho người khác trong thời gian ít hơn thời gian quy định là 50% nhưng không được bán. Người thuê lại cũng phải tuân thủ hợp đồng như những hộ nhận đất ban đầu.

4.2.3.2 Các quy định về vận chuyển gỗ hợp pháp

Trong hợp đồng trồng rừng với Cty TNHH1TV Lâm trường Đạ Tẻh có quy định rằng người dân có thể tự lo tổ chức việc mua bán, khai thác gỗ rừng trồng hoặc có thể yêu cầu lâm trường hỗ trợ việc khai thác, vận chuyển và mua bán gỗ rừng trồng. Trong thực tế, người dân có gỗ rừng trồng, khi có nhu cầu cần bán thì chỉ việc gọi người mua đến và bán nguyên đám

(khoán). Các thủ tục mua bán do người mua tự lo, người trồng (bán) thường không biết các thủ tục này. Tuy vậy, người dân cũng nắm khá rõ thủ tục mua bán gỗ từ rừng trồng.

Để khai thác, vận chuyển hợp pháp gỗ người trồng cần có giấy xác nhận của UBND xã xác nhận đúng là gỗ rừng trồng và giấy xác nhận của kiểm lâm cho phép vận chuyển gỗ rừng trồng. Các bước cụ thể như sau:

i. Người dân có gỗ rừng trồng làm đơn gởi lên UBND xã để xin phép khai thác

ii. Ban lâm nghiệp xã kết hợp với kiểm lâm địa bàn xác minh và ra văn bản cho phép khai thác và vận chuyển gỗ rừng trồng sau khi khai thác. Theo quy định là gỗ phải được trồng trên đất hợp pháp là đất có sổ đỏ hoặc sổ xanh (sổ chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp cho mục đích lâm nghiệp)

iii. Trong trường hợp gỗ được khai thác trên đất mà người dân trồng rừng có cây rừng tự nhiên phục hồi thì các quy định cũng được thực hiện như gỗ rừng trồng. Tuy nhiên, những cây gỗ có đường kính lớn hơn 20cm thì phải được kiểm lâm địa bàn đóng búa và chỉ được phép sử dụng tại địa phương, không được phép vận chuyển ra ngoài địa bàn huyện.

Cách thức mua bán gỗ rừng trồng được tóm tắt ở hình 5.

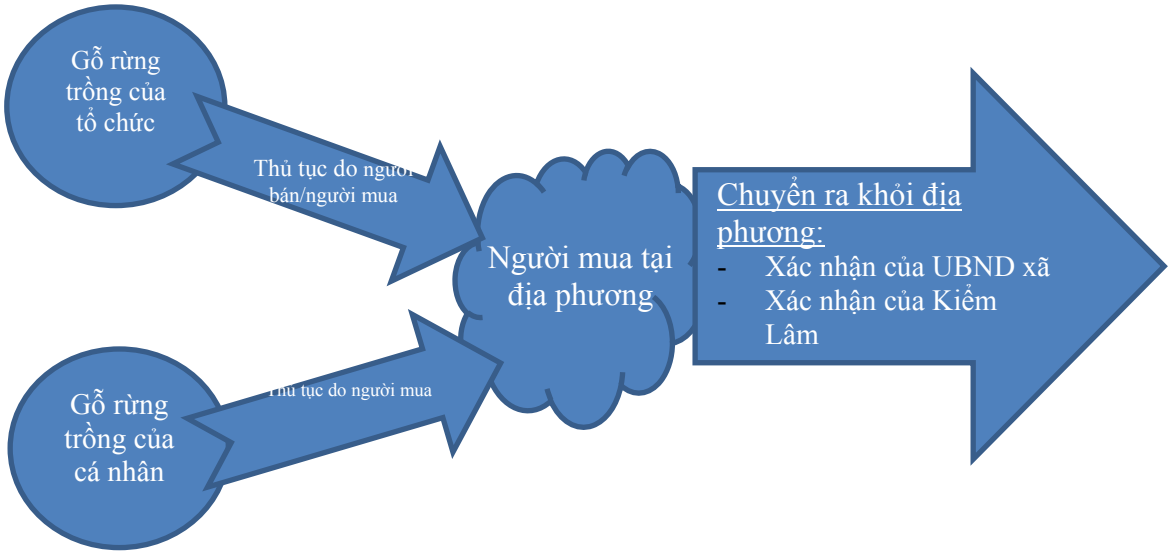

Hình 5. Đường đi của gỗ rừng trồng

4.2.3.3 An toàn về mặt môi trường

Việc trồng rừng được người dân ủng hộ vì nó giúp cải thiện không chỉ đời sống những hộ mà còn có tác dụng tốt về mặt môi trường. Các diện tích rừng được giao cho các hộ trồng rừng là những khu vực nghèo kiệt. Việc khai thác và trồng mới sau khai thác cũng được tính đến đòi hỏi sự kiểm tra giám sát của các bên liên quan tuy vậy việc này chưa xãy ra trên thực tế ở địa phương.

4.2.3.4 An toàn về mặt xã hội

Việc giao đất rừng trồng được tiến hành khá rõ ràng, công bằng với sự tham gia bầu chọn của người dân các thôn. Hợp đồng với người dân cũng rõ ràng. Mặc dù việc khai thác chưa diễn ra, quy trình khai thác mua bán gỗ rừng trồng được bà con cho là hợp lý, bảo đảm quyền lợi của người dân. Mặc dù nhiều người dân chưa biết lý do tại sao họ phải chia lại 5% số sản phẩm thu được từ rừng do họ trồng cho bên lâm trường và số sản phẩm này dùng vào mục đích gì. Tuy vậy người dân đồng ý rằng việc giao đất cho người dân trồng rừng đem lại lợi ích cho họ. Hiện tại những hộ được nhận đất để trồng rừng hài lòng với việc nhận đất rừng này bởi các lý do như i) Có đất để trồng tỉa, ii) Có thể chuyển nhượng cho con cái; iii) Có thể cho thuê ngắn hạn trong thời hạn 5-15 năm. Các khó khăn những hộ trồng rừng gặp phải là: i) Khó khai thác gỗ do chưa có đường sá cho việc vận chuyển gỗ; ii) Lúc khai hoang thì người dân không được bán gỗ/củi tận thu nên không bù lại tiền công khai hoang.

4.2.4 Hộ gia đình, cá nhân nhận khoán QLBVR (nhóm 2B)

4.2.4.1 Các quy định về khai thác gỗ hợp pháp trong nước

Nhiều hộ dân ở địa phương nhận khoán bảo vệ rừng (rừng trồng) từ những năm 1990. Những hộ dân này không được phép khai thác mà có thể chỉ nhận được tiền công chăm sóc bảo vệ. Những hộ gia đình nhận khoán trước năm 2000 không nhận được tiền hỗ trợ, từ sau 2000 đến 2010 những hộ gia đình nhận khoán được hỗ trợ 50,000 đồng/năm/ha. Từ 2012 những hộ nhận khoán rừng được nhận 200,000 đồng/ha/năm do có tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng (PES).

Rừng khi được giao cho người dân QLBV thì gần như không bị và không được khai thác. Tuy nhiên những năm gần đây, khi rừng được giao cho các công ty thì chúng bị khai thác nặng nề làm người dân bức xúc vì rừng đã được người dân cất công gìn giữ từ lâu mặc dù một số công ty tiếp tục khoán cho người dân quản lý bảo vệ. Việc khai thác gỗ của các công ty nhằm mục đích gì, khai thác ở đâu? khi nào? tại sao họ lại được khai thác mà bà con thì không? v.v. là các câu hỏi được người dân đặt ra. Tuy vậy, đây là chuyện không còn nằm trong quyền hạn của người dân, vì rừng đã được chuyển chủ sở hữu và người dân không còn quyền trên những cánh rừng họ từng bảo vệ đó.

Mặc dù được thuê khoán quản lý và bảo vệ rừng, những hộ nhận khoán không có quyền xử lý các vi phạm trên phần diện tích được giao. Những hộ nhận khoán không giữ được rừng do trong thời gian gần đây do các công ty được nhận đất rừng khai thác gỗ không thuộc phần đất đã nhận nhưng những người nhận khoán không can thiệp được. Thêm vào đó, những người nhận khoán quản lý rừng không biết gỗ nào của các công ty khai thác là được phép vận chuyển (có đóng búa) và gỗ nào là không được phép vận chuyển (không đóng búa) vì trong quá trình khai thác và vận chuyển gỗ của các công ty trên địa bàn mà người dân không được phép giám sát hay kiểm soát.

Theo người dân các công ty có "nghề riêng". Các công ty được giao rừng ăn trộm gỗ các đơn vị chức năng thường "không biết". Dân biết, có báo cũng không làm gì được. Theo người dân, thực tế là các công ty được giao rừng giám sát người dân vì người dân khai thác gỗ thì các công ty này báo cho kiểm lâm bắt; còn khi người dân báo các công ty khai thác gỗ thì không biết báo ai, báo kiểm lâm thì cũng không có kết quả gì.

4.2.4.2 Các quy định về vận chuyển gỗ hợp pháp

Các hộ cá nhân nhận khoán bảo vệ không được phép khai thác gỗ. Tuy vậy, trong thực tế gỗ vẫn được khai thác khi người dân có nhu cầu. Khi người dân có nhu cầu về gỗ, họ chỉ việc vào rừng xem chỗ nào có gỗ theo yêu cầu để lấy đem về nhà làm nhà hoặc đóng đồ gia dụng. Sau đó báo miệng cho kiểm lâm địa bàn và đơn vị chủ rừng là công ty lâm nghiệp Đạ Tẻh. Thực tế, có quy định về quy trình làm thủ tục (hộp 1) để xin gỗ về sử dụng nhưng người dân không thực hiện vì thủ tục lòng vòng và phải chờ đợi rất lâu.

Ngoài ra gỗ cũng được người dân khai thác trong rừng giao khoán QLBV chủ yếu theo đơn đặt hàng của người mua như trên đã đề cập. Việc vận chuyển chủ yếu là bằng xe máy và trâu kéo từ trên rừng về đến bìa rừng, sau đó tập kết tại một địa điểm rồi dùng xe lôi kéo gỗ đi đến điểm bán gỗ. Cũng như việc mua bán, tất nhiên việc vận chuyển gỗ do người dân khai thác là không có giấy tờ, vi phạm pháp luật và có thể bị kiểm lâm bắt nếu bị phát hiện.

4.2.4.3 An toàn về môi trường

Các hộ dân có khai thác gỗ và lâm sản phụ từ rừng GKBV nhưng không ảnh hưởng nhiều do quy mô nhỏ. Từ khi có các công ty khai thác gỗ và mở đường trên đầu nguồn thì nước suối bị ô nhiễm, nước đục (Các công ty mở đường nhiều đến nỗi người dân đi rừng cũng bị lạc đường). Thêm vào đó các công ty Đình Thuận và Hồng Nhung vứt bỏ chai lọ thuốc sâu xuống suối làm cho nước suối bị ô nhiễm làm cho người dân không tắm suối được, trẻ em tắm suối bị ghẻ lở. Ảnh hưởng đến sức khoẻ của người dân. Bên cạnh những ảnh hưởng khác đã đề cập ở trên.

4.2.4.4 An toàn về xã hội

Sở dĩ người dân bức xúc với việc chuyển đổi chủ sở hữu rừng trồng vì sự không công bằng và thiếu thông tin. Người dân hoàn toàn không được tham vấn về những vấn đề đang diễn ra trên lâm phần của họ. Việc giao rừng và khai thác rừng cho các công ty không được thông báo cho những người đang nhận giao khoán quản lý và bảo vệ rừng biết. Việc khai thác của họ cũng không được báo cho người dân. Thêm vào đó, một số công ty nhận rừng tại địa phương hạn chế quyền tiếp cận của người dân vào nguồn tài nguyên truyền thống của họ như cấm người dân khai thác lâm sản phụ, rào đường không cho người dân vào rừng. Việc chi trả tiền công lao động cho người dân cũng bị phàn nàn. Một số công ty có thuê người dân địa phương làm các công việc như phát cỏ, trồng cao su, đào hố, phát quang để trồng rừng với giá thuê lao động là 120,000 đồng/ngày nhưng họ không trả tiền liền mà phải sau 2 tuần đến 1 tháng mới trả. Ngoài việc thuê mướn này, các cơ chế chia sẻ lợi ích khác trong việc sử dụng tài nguyên rừng không thấy tồn tại giữa các bên liên quan. Trong khi đó việc khai thác của nhiều công ty đã xâm phạm nghiêm trọng đến Rừng thiêng nơi mồ mả tổ tiên người dân được chôn cất ảnh hưởng lớn đến đời sống tinh thần và quan hệ của người dân địa phương và các công ty.

4.3 Các nhận xét và bình luận

Nhìn chung, người dân trong các thôn nghiên cứu chưa có thông tin gì về VPA/FLEGT và không biết về tiến trình đàm phán, cũng như những ảnh hưởng đến đời sống của họ khi hiệp định này được thực thi. Người dân địa phương ở tất cả các nhóm khảo sát có mối gắn kết lâu đời với rừng nhưng vai trò và tiếng nói của họ trong quản lý rừng không có, hoặc rất yếu và thụ động.

Việc khai thác gỗ, vận chuyển gỗ hợp pháp thật sự người dân có nhận biết nhưng không quan tâm, ngoại trừ nhóm 1B và 2B nhận khoán QLBVR có một phần trách nhiệm trong việc bảo vệ rừng. Điều này xảy ra là do quyền giám sát của người dân trong việc khai thác, vận chuyển lâm sản ở địa phương đã không còn trên thực tế. Quy trình khai thác gỗ hợp pháp cũng tồn tại, nhưng cũng không có tác dụng vì vẫn còn rườm rà, không khả thi do cảm nhận không công bằng của người dân. Gỗ rừng tự nhiên vẫn tiếp tục bị khai thác dưới nhiều hình thức, tên gọi khác nhau. Bên cạnh việc khai thác gỗ của các công ty (hợp pháp về giấy tờ - *de jure*), người dân địa phương vẫn còn khai thác không hợp pháp các loại gỗ từ rừng tự nhiên (*de facto*). Hình 6 trình bày cách thức gỗ được đưa vào thị trường bằng cả con đường chính thức và không chính thức.

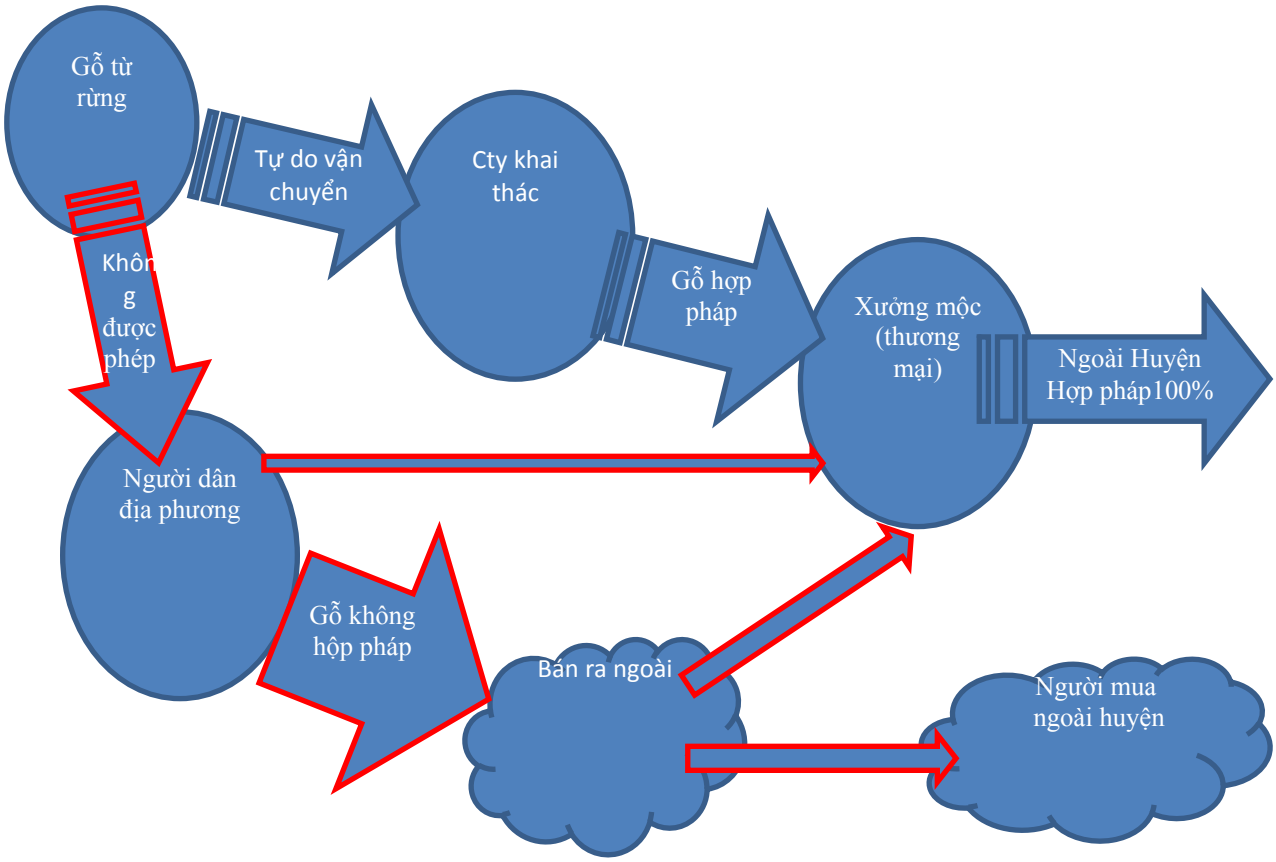

Ghi chú: - *Mũi tên màu đỏ: không hợp pháp*

- *Mũi tên màu xanh: hợp pháp*

Hình 6. Đường đi của gỗ rừng tự nhiên

Hệ thống quản lý rừng hiện nay ở địa phương có một số vấn đề. Đặc biệt là việc giao đất rừng cho các công ty. Trước đây, mặc dù trên danh nghĩa đất truyền thống tổ tiên của người dân địa phương không được chính quyền thừa nhận nhưng do đất rừng do nhà nước quản lý khá thoáng, trên thực tế người dân vẫn còn tiếp cận được các nguồn tài nguyên lâu đời của mình. Hiện nay, khi đất rừng được chuyển giao cho các công ty quản lý chặt chẽ, quyền tiếp cận thực tế của người dân vào tài nguyên bị ngăn chận rõ rệt.

Việc chuyển đổi rừng truyền thống nơi nhiều người địa phương tiếp cận và hưởng lợi thành rừng kinh tế (cao su) của công ty, đang chuyển quyền lợi của cộng đồng thành quyền lợi của một nhóm người gây bức xúc và mâu thuẩn xã hội. Thêm vào đó, việc chuyển đổi này rất bất lợi về mặt môi trường, làm giảm tính đa dạng sinh học và tăng độ mẩn cảm của hệ sinh thái. Kết quả là đời sống của người dân bị ảnh hưởng xấu.

Đối với hiệp định FLEGT, ở Đạ Tẻh, do nối kết giữa người dân địa phương và các bên liên quan ở tầng trên (lâm trường, các công ty) yếu và một chiều từ trên xuống, việc thực thi hiệp định này có thể chỉ hỗ trợ quyền lợi của một số nhóm và có ảnh hưởng bất lợi cho đời sống người dân. Để việc thực thi FLEGT được khả thi và hiệu quả, vai trò/quyền của cộng đồng địa phương nhất thiết cần được tăng lên trong quá trình thực thi, giám sát và hưởng lợi. Nhận thức về rừng cần thay đổi. Tài nguyên rừng là của chung. Mọi người có quyền hưởng lợi và trách nhiệm bảo vệ rừng.

V. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

5.1 Kết luận

1. Đối với các quy định về khai thác gỗ hợp pháp trong nước, thực trạng là người dân không biết rõ các quy định hợp pháp nào về việc khai thác gỗ hợp pháp ở rừng tự nhiên lẫn rừng trồng. Người dân chỉ biết các thủ tục trong việc xin gỗ về làm nhà và làm đồ gia dụng. Tuy nhiên các thủ tục này quá rườm rà và không thực tế. Tiếng nói của người dân trong việc khai thác gỗ hợp pháp là quá nhỏ. Vì vậy, mâu thuẩn về quyền lợi giữa người dân địa phương với những người khai thác từ bên ngoài là lớn.

2. Đối với các quy định về vận chuyển gỗ hợp pháp (trong nước), thực trạng là người dân hầu như không biết các quy định về việc vận chuyển gỗ. Việc vận chuyển của các công ty được phép khai thác là hợp pháp dù rằng đó là gỗ trên thực tế do các công ty khai thác bên ngoài diện tích được giao. Việc vận chuyển gỗ của người dân chủ yếu là bằng trâu/bò và xe máy, trong khi đó, gỗ do các công ty khai thác đều được vận chuyển bằng xe lớn (xem container, xe cẩu,…)

3. Đối với vấn đề An toàn về môi trường, thực trạng là việc khai thác gỗ tại địa phương đang ảnh hưởng rất nhiều đến nguồn nước sinh hoạt của cộng đồng sinh sống tại địa phương. Việc sinh hoạt và đầu tư trên diện tích được giao của các công ty gây nên những ảnh hưởng đời sống của người dân như làm hư hại nguồn nước, lũ lụt, hạn hán.

4. Đối với vấn đề An toàn về xã hội, thực trạng là các công ty chưa thực hiện nhiệm vụ của mình theo đúng cam kết như việc chia sẻ lợi ích từ việc khai thác là 5% số lượng sản phẩm khai thác; 5% diện tích sau đầu tư 1 năm. Các công ty khai thác trắng dẫn đến các lâm sản phụ bị sụt giảm làm ảnh hướng đến sinh kế của khoảng 70% số hộ trong khu vực. Quan hệ giữa các công ty với người dân địa phương còn thấp, những mẫu thuẫn giữa người dân với công ty còn chưa được giải quyết một cách ổn thoả.

5.2 Đề nghị

5.2.1 Đối với khung pháp lý hiện tại và định nghĩa gỗ hợp pháp

Khảo sát tại địa phương cho thấy rõ ràng rằng người dân chưa tiếp cận được thông tin có liên quan đến VPA/FLEGT. Trong cơ cấu hành chính luật pháp hiện nay, vai trò của người dân trong quá trình khai thác vận chuyển gỗ hầu như không đáng kể. Điều này làm cho khía cạnh công bằng xã hội của việc thực thi FLEGT có thể trở nên xa vời trong nhiều địa phương ở VN. Người dân ở vị trí thụ động, vì vậy việc thực thi FLEGT hoàn toàn có thể ảnh hưởng bất lợi đến họ. Việc thực thi FLEGT không bảo đảm công bằng hay cuộc sống tốt hơn cho người dân địa phương trừ khi tiếng nói/vai trò của người dân địa phương được tăng hơn. Muốn vậy, hành lang luật pháp liên quan đến sở hữu và cộng đồng địa phương cần thay đổi. Chúng tôi đề xuất quyền sở hữu đất đai, hay ít ra quyền sử dụng đất lâu dài và đầy đủ (50 năm) cần được thực hiện. Bên cạnh đó, sở hữu tư nhân và sở hữu cộng đồng về rừng/đất rừng cần được công nhận.

Ở trường hợp Đạ Tẻh, các mâu thuẫn giữa cộng đồng và các công ty khai thác gỗ vẫn chưa giải quyết hết. Vì vậy, việc thực thi FLEGT nếu không có điều kiện ràng buộc khác đối với các công ty khai thác gỗ sẽ không đảm bảo một kết quả tốt hơn cho người dân địa phương. Có lẽ, điều kiện thực tế ở nhiều địa phương chưa đủ để thực hiện FLEGT công bằng và hiệu quả.

5.2.2 Đối với các vấn đề thực tế ở địa phương

1. Đối với việc khai thác gỗ hợp pháp:

Huyện, tỉnh và địa phương cần phải thực hiện việc giám sát và chế tài đối với các công ty trong quá trình thực hiện việc khai thác và bảo vệ rừng. Nên hạn chế việc khai thác gỗ ở rừng tự nhiên. Tăng sự tham gia chủ động của người dân trong việc quản lý rừng ở địa phương. Nên cho người dân tham gia vào quá trình lập kế hoạch và giám sát khai thác để bảo đảm đời sống người dân không bị ảnh hưởng. Đối với gỗ cho người dân lấy về làm nhà và đồ gia dụng, cần đơn giản hóa các thủ tục cho phù hợp với điều kiện văn hóa, dân trí ở địa phương. Bên cạnh đó, địa phương có thể xem xét giao một diện tích rừng/đất rừng cho cộng đồng quản lý và sử dụng để bảo đảm cho nhu cầu cơ bản của họ.

2. Đối với việc vận chuyển gỗ hợp pháp:

Gỗ làm nhà và đồ gia dụng cho người dân địa phương thì nên được vận chuyển ra ngoài rừng mà không cần phải xin phép, hay cần đơn giản thủ tục hơn vì đây là gỗ đã được cho phép

theo quy định. Người dân nên được phép tham gia vào việc giám sát và kiểm tra việc vận chuyển gỗ ra khỏi địa bàn của họ. Giấy xác nhận của các cộng đồng là một trong các thủ tục cần thiết để gỗ được vẫn chuyển ra ngoài địa phương một cách hợp pháp. Tuy vậy, quyền sở hữu cộng đồng cần được công nhận, để giấy xác nhận này không trở nên hình thức.

3. Đối với an toàn môi trường:

Không giao rừng cho các công ty khai thác trắng vì công ty chặt rừng làm cạn hết nước suối và giảm nguồn lâm sản phụ. Bên cạnh đó, phải có cơ quan chức năng kiểm tra tình trạng ô nhiễm môi trường, việc xả các chai lọ đựng phân thuốc trên khu vực thượng nguồn các con suối để không ảnh hưởng đến nguồn nước sinh hoạt trong khu vực. Thực tế, rừng đầu nguồn nước sinh hoạt thì không nên giao cho các công ty để khai thác và trồng cây công nông nghiệp. Các công ty xả rác nguy hại đến nguồn nước trong khu vực cần chịu các biện pháp chế tài thích hợp. Người dân cần được tham gia giám sát việc giữ gìn an toàn về môi trường của các công ty trong khu vực.

4. Đối với an toàn xã hội:

Cơ chế chia sẻ lợi ích rõ ràng. Hằng năm, các cộng đồng nhận khoán quản lý và bảo vệ rừng cần phải được chia một khối lượng gỗ để sử dụng hoặc mua bán một cách hợp pháp. Lâm sản phụ truyền thống cần được khai thác tự do (không thương mại) và được hưởng lợi. Cần phải giữ lại được rừng thiêng của cộng đồng. Nếu việc khai thác rừng tiếp tục như hiện tại thì khoảng ba năm nữa các loại lâm sản phụ sẽ không còn nên giải pháp giao đất cho người dân để sản xuất cần được xem xét. Những khu vực rừng chưa giao cho các công ty thì nên xem xét giao lại cho người dân để họ lấy đất trồng các loại cây nông, công nghiệp bảo đảm cuộc sống. Ở Đạ Tẻh, những hộ nghèo, có diện tích đất đang sử dụng ít hơn 2 ha nên được xét cấp đất để trồng rừng, và diện tích đất rừng được cấp cũng sẽ là 2 ha (Điều này hiện nay chỉ có đối với các hộ gia đình người Kinh chứ chưa thực hiện đối với các hộ gia đình người dân tộc).

Công bằng. Các công ty khai thác gỗ trong khu vực người dân quản lý và bảo vệ để trồng rừng kinh tế cần thực hiện cam kết về nghĩa vụ chi sẻ lợi ích (theo quy định ở địa phương là 10% diện tích trồng rừng sau 1 năm hoặc 5% diện tích trồng cao su sau 1 năm trồng). Thực hiện các chia sẻ khác như thuê lao động, hoặc khoán bảo vệ. Các công ty cần chịu trách nhiệm một khi rừng bị khai thác hết. Công ty xem xét chia đất cho dân để chuyển đổi cơ cấu cây trồng, xem đây là một hình thức chia sẻ lợi ích cho người dân.

Thông tin minh bạch. Thông tin cần được giải thích cho rõ ràng (vd.Tại sao các công ty thì được phép khai thác trắng rừng để trồng cao su mà người dân thì không được phép? Tỉ lệ đóng góp trở lại cho cộng đồng có hay không? Bao nhiêu?). Việc khai thác gỗ của các công ty không minh bạch làm cho người dân bắt chước khai thác theo. Do vậy các bên nên giải thích cho người dân hiểu rõ diện tích rừng nào là của công ty được phép khai thác và rừng nào là không phải của công ty và không được phép khai thác. Có như vậy, những hộ nhận giao khoán quản lý và bảo vệ rừng mới có thể giữ được rừng được giao. Việc giao đất cho các công ty cần được chia sẻ và có sự tham gia của người dân về khu vực nào đã chia, cần chia và sẽ chia cho công ty để ranh giới được rõ ràng và người dân có thể đảm bảo được việc đầu tư và tài sản của mình.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Danh sách những người được tham vấn- nhóm 1B

TT	Họ và Tên	Địa chỉ
1	K'Hùng	Bí thư chi bộ thôn 8, xã Mỹ Đức. ĐT: 01672672367
2	K'Chung	Tổ trưởng tổ quản lý bảo vệ rừng
3	K'Thắng	Tổ trưởng tổ quản lý bảo vệ rừng
4	K'Tàn	Tổ trưởng tổ quản lý bảo vệ rừng
5	K'Tỏi	Già Làng thôn 8, xã Mỹ Đức
6	K'Triều	Già làng buôn B Quốc, thôn Đa Nhar, xã Quốc Oai
7	K'Đinh	Phó ban mặt trận thôn Đạ Nhar, xã Quốc Oai
8	K'Mong	Quyền bí thư chi bộ thôn Đạ Nhar, xã Quốc Oai
9	K'Vinh	Công an viên thôn Đạ Nhar, xã Quốc Oai
10	K'Toa	Tổ trưởng tổ 3 thôn Đạ Nhar, xã Quốc Oai
11	K'Hiếu	Tổ trưởng tổ nhận khoán
12	K'Mạnh	Già làng, thôn Đạ Nhar, xã Quốc Oai
13	K'Sang	Tổ trưởng tổ quản lý bảo vệ
14	K'Nghéo	Tổ trưởng tổ quản lý bảo vệ
15	K'Bẹc (B)	Tổ trưởng tổ quản lý bảo vệ
16	K'Nghiệu	Tổ trưởng tổ quản lý bảo vệ
17	Nguyễn Thành Hợi	Trưởng ban mặt trận thôn 5, xã Quốc Oai
18	Nguyễn Thanh Mạnh	Tổ trưởng tổ quản lý bảo vệ rừng
19	Đỗ Bá Tạo	Tổ trưởng tổ quản lý bảo vệ rừng
20	Đặng Xuân Hùng	Tổ trưởng tổ quản lý bảo vệ rừng
21	Nguyễn Vũ Đại	Tổ trưởng tổ quản lý bảo vệ rừng, ĐT:01645671622

Phụ lục 2. Danh sách những người được tham vấn- nhóm 1C

TT	Họ và Tên	Địa chỉ
1	Nguyễn Bá Tuấn	thôn 5, xã Quốc Oai, ĐT: 01679740623
2	Lê Quang Vị	thôn 5, xã Quốc Oai
3	Nguyễn Thanh Bình	hôn 5, xã Quốc Oai
4	Đặng Đình Luật	thôn 5, xã Quốc Oai
5	Đàm Văn Phó	thôn 5, xã Quốc Oai, 01669433158
6	Nguyễn Thị Nga	thôn 5, xã Quốc Oai
7	Lê Thị Nga	thôn 5, xã Quốc Oai
8	Nguyễn Văn Long	thôn 5, xã Quốc Oai
9	Đoàn Văn Công	thôn 5, xã Quốc Oai
10	(*)	Thôn 5, xã Mỹ Đức

(*) Nhóm tham gia gồm 5 người này không đồng ý nêu tên.

Phụ lục 3. Danh sách những người được tham vấn- nhóm 2A

TT	Họ và Tên	Địa chỉ
1	Đỗ Duy Dũng	Thôn 2, xã Quốc Oai
2	Vũ Thị Than Nhàn	Thôn 2, xã Quốc Oai
3	Nguyễn Thị Hằng	Thôn 2, xã Quốc Oai
4	Nguyễn Văn Thưởng	Thôn 2, xã Quốc Oai
5	Hoàng Văn Đức	Thôn 6, xã Quốc Oai, ĐT: 01639642950
6	Đỗ Thị Nụ	Thôn 1, xã Quốc Oai, ĐT: 01644507645
7	Đào Quang Lực	Thôn 1, xã Quốc Oai
8	Nguyễn Thị Hà	
9	Nguyễn Thị Nga	

Phụ lục 4. Danh sách những người được tham vấn- nhóm 2B

TT	Họ và Tên	Địa chỉ
1	Bùi Hữu Tân	Thôn 5, xã Quốc Oai,m ĐT: 10697527505
2	Nguyễn Văn Lợi	Thôn 5, xã Quốc Oai
3	Nguyễn Đình Bình	Thôn 5, xã Quốc Oai
4	Bùi Văn Quý	Thôn 5, xã Quốc Oai
5	Đàm Quang Nam	Thôn 5, xã Quốc Oai
6	K'Thoài	Thôn 8, xã Mỹ Đức
7	K'Vội	Thôn 8, xã Mỹ Đức
8	K'Brịt	Thôn 8, xã Mỹ Đức, ĐT: 01657935344
9	K'Chiểu	Thôn 8, xã Mỹ Đức
10	K'Brụi	Thôn 8, xã Mỹ Đức
11	K'Biêng	Thôn 8, xã Mỹ Đức
12	K'Quyết	Thôn Đa Nhar, xã Quốc Oai
13	K'Brùng	Thôn Đa Nhar, xã Quốc Oai
14	K'Huấn	Thôn Đa Nhar, xã Quốc Oai
15	K'Rời	Thôn Đa Nhar, xã Quốc Oai
16	Ka Liễu	Thôn Đa Nhar, xã Quốc Oai
17	Ka Tràn	Thôn Đa Nhar, xã Quốc Oai
18	K'Bai	Thôn Đa Nhar, xã Quốc Oai
19	K'Lóc	Thôn Đa Nhar, xã Quốc Oai
20	K'Liệt	Thôn Đa Nhar, xã Quốc Oai
21	K'Đời	Thôn Đa Nhar, xã Quốc Oai
22	K'Mé	Thôn Đa Nhar, xã Quốc Oai

Phụ lục 5. Trách nhiệm QLBVR ở Cty TNHHMTV Lâm nghiệp Đạ Tẻh

Trách nhiệm QLBVR thực hiện theo luật quản lý và bảo vệ rừng (Điều 37):

1. Chủ rừng có trách nhiệm bảo vệ rừng của mình; xây dựng và thực hiện phương án, biện pháp bảo vệ hệ sinh thái rừng; phòng, chống chặt phá rừng; phòng, chống săn, bắt, bẫy động vật rừng trái phép; phòng cháy, chữa cháy rừng; phòng, trừ sinh vật gây hại rừng theo quy định của Luật này, pháp luật về đất đai, pháp luật về

phòng cháy, chữa cháy, pháp luật về bảo vệ và kiểm dịch thực vật, pháp luật về thú y và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Chủ rừng không thực hiện các quy định tại khoản 1 Điều này mà để mất rừng được Nhà nước giao, cho thuê thì phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật).

Về tổ chức thực hiện việc quản lý và bảo vệ rừng của công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đạ Tẻh được thực hiện như sau:

1. Công ty đã xây dựng phương án tổng thể bao gồm tất cả các mặt hoạt động theo điều lệ hoạt động và giấy chứng nhận đầu tư của Sở Kế hoạch đầu tư trình UBND tỉnh phê duyệt.
2. Về lĩnh vực QLBVR, ban giám đốc giao cho Phòng Kỹ thuật-Bảo vệ rừng xây dựng Phương án hoạt động, quy định chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận gồm: Phòng KT-BVR, Cụm tiểu khu, tiểu khu trưởng, đội bảo vệ rừng và các nhân viên hợp đồng mùa vụ.
3. Chế độ báo cáo: Hàng tuần cơ quan tổ chức giao ban vào ngày thứ 2 để xử lý, giải quyết và triển khai công việc. Nội dung, các cụm tiểu khu tổng hợp tình hình thực hiện nhiệm vụ của các tiểu khu trưởng, nhân viên thuộc quyền quản lý và các vụ vi phạm (Nếu có) báo cáo về phòng KT-BVR, tổng hợp, xử lý và báo cáo trước hội nghị giao ban. Ban giám đốc chỉ đạo, xử lý tiếp theo.
4. Các vụ vi phạm rõ ràng, có đối tượng, lập được biên bản kiểm tra thì thụ lý hồ sơ, tang vật, phương tiện chuyển hạt kiểm lâm xử lý. Các vụ vi phạm có đối tượng nhưng không chịu ký biên bản kiểm tra, chống đối, bỏ chạy … lập biên bản kèm theo văn bản báo cáo trình cơ quan chức năng tiếp tục điều tra. Các vụ chưa phát hiện được đối tượng, tổng hợp vi phạm, tiếp tục giao cho cụm tiểu khu, đội bảo vệ theo dõi, phát hiện đối tượng lập biên bản để làm cơ sở xử lý. Toàn bộ việc thực hiện nhiệm vụ có báo cáo định kỳ hàng tháng gửi hạt kiểm lâm, chi cục kiểm lâm, UBND huyện và Sở NN&PTNT theo quy định.